

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị H1 - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Thanh N - Sinh năm 1984 và ông Nguyễn Hoàng Bá L - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp V, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2020 các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bà Đào Thị H1 trình bày và yêu cầu: Ngày 20-7-2019, bà Lâm Thị Thanh N mượn của bà 100.000.000 đồng, có lập giấy tay mượn tiền, hẹn trong vòng 03 tháng trả, nhưng đến nay bà N vẫn không trả. Nay bà yêu cầu bà N và chồng là ông Nguyễn Hoàng Bá L phải trả cho bà 100.000.000 đồng. Bà không đồng ý kéo dài thời hạn trả theo đề nghị của bà N.

- Tại Bản tự khai ngày 24-02-2021 và tại phiên tòa, bị đơn là Lâm Thị Thanh N trình bày: Bà thừa nhận có nợ bà H1 100.000.000 đồng như bà H1 tiền bày, chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trong giấy tay mượn tiền bà H1 cung cấp là của bà. Việc vay mượn nợ phục vụ đời sống và kinh tế gia đình; Bà đồng ý cùng chồng là ông L trả cho bà H1 100.000.000 đồng; Bà đề nghị bà H1 cho bà thời hạn trả nợ là ngày 10-8-2021, bà sẽ bán đất ba ruột bà cho để trả.

- Tại Bản tự khai ngày 24-02-2021 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Bá L trình bày: Ông không biết việc bà N vay tiền của bà H1 100.000.000 đồng. Cách nay hơn nửa năm, ông nghe vợ chồng bà H1 nói vợ ông vay hơn 60 triệu đồng, ông có nói sao vợ ông vay tiền không báo cho ông biết. Ông không biết việc bà N vay nợ, ông không có ký nhận tiền, hiện ông không có điều kiện trả nên ông không đồng ý cùng bà N trả tiền theo yêu cầu của bà H1.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Hoàng Bá L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn không có mặt để tham gia hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đào Thị H1 khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Hoàng Bá L, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Hoàng Bá L được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng chỉ có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông bà, không có mặt để tham gia hòa giải, bà N và ông L không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải, vì ông bà không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét việc bà N thừa nhận có vay tiền của bà H1, chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trong giấy tay mượn tiền bà H1 cung cấp là của bà N. Đây là sự việc không phải chứng minh nên ghi nhận.

[5] Xét việc bà H1 yêu cầu bà N và ông L trả cho bà H1 100.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp các giấy nhận nợ viết tay mà bà H1 nộp cho Tòa án được bà N thừa nhận, bà N đồng ý cùng chồng là ông L trả cho bà H1 100.000.000 đồng, việc vay mượn nợ phục vụ đời sống và kinh tế gia đình.

[6] Việc ông L cho rằng ông không biết việc bà N vay nợ, ông không có ký nhận tiền, hiện không có điều kiện trả, nên không đồng ý cùng bà N trả tiền cho bà H1, là không có căn cứ chấp nhận. Bà N và ông L đang là vợ chồng còn trong thời kỳ hôn nhân, việc vay mượn nợ phục vụ đời sống và kinh tế gia đình nên ông L phải có cùng trách nhiệm với bà N, việc bà H1 yêu cầu bà N và ông L cùng trả tiền cho bà H1 là phù hợp;

[7] Việc bà N đề nghị bà H1 cho thời hạn trả nợ là ngày 10-8-2021, ông L không đồng ý cùng trả tiền, bà H1 không đồng ý cho thời hạn trả nợ. Các bên không thỏa thuận được về thời hạn trả nợ nên thực hiện theo quy định của pháp luật.

[8] Như vậy, bà N và ông L có nghĩa vụ trả cho bà H1 100.000.000 đồng. Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà N và ông L có nghĩa vụ trả cho bà H1 100.000.000 đồng, nên phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H1 không phải chịu án phí, trả lại cho bà H1 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đào Thị H1 đối với bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Hoàng Bá L.

Buộc bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Hoàng Bá L phải trả cho bà Đào Thị H1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Hoàng Bá L phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà H1 Thị H1 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008909 ngày 09-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 26-02-2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương